

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 469/CV-VMETC ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Biển đảo và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, địa chỉ tại đường 30 Tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường 30 Tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Phòng

Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, mã số doanh nghiệp: 0106050554, đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 11 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ: 26, ngày 09 tháng 4 năm 2024. Quyết định chủ trương đầu tư số 5057/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng.

1.4. Mã số thuế: 0106050554.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

a) Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

b) Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

c) Quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích đất sử dụng: 15.122m².

- Quy mô, công suất: 182 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định khác có liên quan; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách

nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Hải Châu, UBND phường Hòa Cường Bắc và các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 (Mười) năm.**

(Từ ngày .24.. tháng .01 năm 2025 đến ngày .24.. tháng 01 năm 2035).

Điều 4. Giao Chi cục Biển đảo và Môi trường, UBND quận Hải Châu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (báo cáo);
- PGĐ. Sở - Đặng Quang Vinh;
- Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế (biết, phối hợp);
- UBND quận Hải Châu (thực hiện);
- UBND phường Hòa Cường Bắc (biết, phối hợp);
- Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec (thực hiện);
- Chi cục Biển đảo và Môi trường (thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử Sở TN&MT (đăng tải);
- Phòng QH, ĐĐ, BĐ & ĐKĐĐ (biết);
- Lưu: VT, CCBĐMT, D.

GIÁM ĐỐC



Phạm Nam Sơn



Phụ lục I
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10 /GPMT-STNMT
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước thành phố trên đường Lương Nhữ Hộc, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về công trình xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 1: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh, nước thoát sàn và các phòng chức năng của khối bệnh viện được thu gom về 01 xử lý sơ bộ (bể yếm khí 3 ngăn) có dung tích 432,7m³ để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nguồn số 2: Nước thải từ các nhà vệ sinh của các phòng hành chính, chức năng tại tầng hầm bệnh viện được thu gom về 05 bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nguồn số 3: Nước thải tại phòng giặt là được thu gom về 01 bể xử lý sơ bộ nước thải giặt là có dung tích 11m³ để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp được thu gom về 01 bể tách mỡ có dung tích 117,6m³ để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể xử lý sơ bộ (bể yếm khí 3 ngăn), bể tự hoại

- Số lượng: 06 bể.

- Vị trí: 01 bể xử lý sơ bộ (bể yếm khí 3 ngăn) có thể tích 432,7m³, xây nửa chìm nửa nổi và hợp khối với hệ thống xử lý nước thải tập trung; 01 bể tự hoại thể tích 20m³, 02 bể tự hoại thể tích mỗi bể 12,5m³, 02 bể tự hoại thể tích mỗi bể 7,5m³ được xây ngầm ở tầng hầm.



[Handwritten signature]

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.2. Bể xử lý sơ bộ nước thải giặt là

- Số lượng: 01 bể, dung tích 11m^3 .

- Vị trí: Bên dưới phòng giặt là đặt tại giữa tầng hầm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.3. Bể tách mỡ

- Số lượng: 01 bể, dung tích $117,6\text{m}^3$.

- Vị trí: xây nửa chìm nửa nổi, hợp khối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga nội bộ → Hệ thống thoát nước thành phố.

- Công suất thiết kế: $200\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, PAC.

- Chất lượng nước thải sau xử lý: đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Kết cấu công trình phải kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý nước thải và bảo đảm nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố của hệ thống xử lý theo quy định.

- Đầu tư các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đối với mỗi loại thiết bị đều có dự phòng.

- Đường ống công nghệ, hệ thống điện động lực và điều khiển của từng hạng mục được thiết kế độc lập, đảm bảo khi tiến hành tháo lắp, sửa chữa thiết bị hư hỏng không làm ảnh hưởng đến các thiết bị khác.

- Trong quá trình vận hành tổ chức vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị định kỳ để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Xây dựng quy trình vận hành trạm xử lý nước thải hợp lý, đảm bảo thông tin trong quá trình vận hành được kết nối thông suốt từ nhân viên vận hành đến bộ phận quản lý.



- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời khi có sự cố.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu, quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải để đánh giá tình trạng hoạt động và hiệu quả xử lý của hệ thống.

- Dự trữ hóa chất, vật liệu cần thiết để kịp thời bổ sung, khắc phục.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố dẫn đến chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng quy định, thực hiện như sau: Tiến hành ngưng cung cấp nước cho các khu vực có khả năng phát sinh nước thải cần phải xử lý; dừng xả nước thải sau xử lý ra ngoài môi trường và lưu giữ tạm thời nước thải tại bể điều hòa trong hệ thống xử lý nước thải với thời gian lưu khoảng 24 giờ. Khắc phục sự cố và khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại. Sau khi khắc phục xong, nước thải được xử lý lại. Sau khi nước thải đã xử lý đạt yêu cầu mới tiến hành xả thải theo quy định. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa nước thải thì chuyển giao nước thải cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các công trình xử lý để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2023/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2) trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; không để các chất bẩn trong hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở chảy tràn, phát tán ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec chịu toàn bộ trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước của thành phố để dẫn về trạm xử lý nước thải đô thị tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10 /GPMT-STNMT
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Nguồn số 01) tại tầng mái ở vị trí cao khoảng 40m so với cos mặt đất.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.773.892; Y = 549.180 (Theo Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 107⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải (mùi) sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

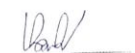
2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K_p = 1,0 và K_v = 0,6), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	4,5	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Amoniac và các hợp chất Amoni	mg/Nm ³	30	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải (mùi)





Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày được thu gom về hệ thống xử lý khí thải (mùi) để xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải → Ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp xử lý khí thải (mùi) → Quạt hút → Ống thải → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch hấp thụ NaOH; Clorua vôi (dùng để trung hòa dung dịch NaOH thải bỏ trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2023/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Đảm bảo các quy định về kỹ thuật quan trắc khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường (bao gồm điểm lấy mẫu khí thải, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu, vị trí điểm lấy mẫu...).

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, bảo đảm không xả khí thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải (mùi); không được phép xả khí thải chưa đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 02 máy phát điện dự phòng, công suất 1.600kVA/máy (chỉ sử dụng trong các trường hợp mất điện, vận hành bảo dưỡng theo quy trình của nhà sản xuất) không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng

hóa. Bụi, khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng được thu gom thải ra môi trường qua 02 ống thải của 02 máy phát điện dự phòng, vị trí xả thải tại độ cao 8m so với cos mặt đất.

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





Phụ lục III
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10 /GPMT-STNMT
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đặt 02 máy phát điện dự phòng (phòng máy riêng biệt ở phía Bắc cơ sở).
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.773.865; Y = 549.220.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.773.977; Y = 549.203.

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 -21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các loại máy móc, thiết bị gây ồn, rung lớn được lắp đặt đệm chống rung và đặt trong phòng kín, riêng biệt.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các loại máy móc thiết bị, vận hành đúng công suất, bôi trơn dầu mỡ.



2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Đã



Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10 /GPMT-STNMT
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	3.000
2	Dược phẩm gây độc tế bào (Cytotoxic và Cytostatic) thải	13 01 03	100
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế)	13 03 02	100
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	100
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	100
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	200
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 02	100
8	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	18 01 03	3.500
9	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	18 01 06	100
10	Chất hàn răng amalgam thải	18 01 10	20
11	Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	100
12	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	19 12 03	100
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		7.520



1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	10
2	Bùn thải từ 05 bể tự hoại	12 06 13	500
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		510

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 420.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các bao bì, thiết bị lưu chứa để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực lưu giữ

- Diện tích kho: khoảng 20m² bố trí ở khu đất phía Bắc của cơ sở.

- Số lượng: 02 kho: Kho rác nguy hại lây nhiễm và kho rác nguy hại không lây nhiễm.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Được xây chắc chắn, bảo đảm kín, có tường bao và mái che kín, mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có gờ ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; có biển báo và trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí thùng lưu chứa có nắp đậy và dán nhãn phân biệt, thể tích 240 lít.

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 40m² bố trí tại khu đất phía Bắc của cơ sở (gần khu nhà phụ trợ). Gồm 02 kho: Kho rác tái chế và kho rác sinh hoạt thông thường. Diện tích mỗi kho 20m². Kết cấu kho chứa rác: Tường gạch bao quanh, sàn kho bê tông, mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, cao độ nền kho cao hơn khu vực xung quanh bảo đảm không bị ngập lụt theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể xử lý sơ bộ

(bể yếm khí 3 ngăn).

- Bùn cặn từ 01 bể xử lý sơ bộ (bể yếm khí 3 ngăn) và 05 bể tự hoại tại cơ sở: định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với dầu, mỡ từ bể tách mỡ được thu gom, lưu chứa riêng biệt, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và các quy định khác có liên quan.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Handwritten signature



Phụ lục V
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10 /GPMT-STNMT
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Đà Nẵng”.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Công khai giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 20/2021/TT-BYT và các quy định khác có liên quan. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của cơ sở gây ra.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, y tế, môi trường và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành.



6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện hệ thống hóa, lưu giữ các hồ sơ, tài liệu môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

Handwritten signature

